

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-6-2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Lợi và ông Nguyễn Duy Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2020 và ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/6/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn K; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/12/2019, bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn K có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 12/01/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung đầm ấm, hạnh phúc. Tuy nhiên, không lâu sau đó cuộc

sống giữa vợ chồng dần dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu tính nhau, thường bất đồng về quan điểm sống, anh K thường có lời nói, hành động xúc phạm, chửi bới, đánh đập vợ con, không tôn trọng vợ con. Đặc biệt, anh K còn có hành vi dâm ô đối với các con nên đã bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 48 tháng tù. Hiện tại chị H thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, thật sự tình cảm không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được vì vậy kiên quyết xin ly hôn với anh K để sớm ổn định cuộc sống bản thân, chăm lo cho các con.

Về con chung: Theo chị H thì giữa vợ chồng có 04 con chung tên Phạm Thị Thu S, sinh ngày 22/3/2004, Phạm Thị H, sinh ngày 29/6/2006, Phạm Huyền A, sinh ngày 18/7/2011 và Phạm Đức T, sinh ngày 10/01/2017. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì hiện tại anh K đang chấp hành án, chưa có điều kiện chăm sóc, giáo dục, cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết mà vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, tự giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên tòa ngày 09/10/2020, bị đơn anh Phạm Văn K trình bày: Về quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân giữa anh với chị Nguyễn Thị H như ý kiến trình bày của chị H. Vợ chồng đi đến kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 12/01/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung đầm ấm hạnh phúc. Tuy nhiên, không lâu sau đó cũng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, sống có phần không hiểu tính nhau, bất đồng về quan điểm sống nên xảy ra xung đột, cãi vã nhau. Anh K thừa nhận đã làm lỡ đối với các con, đã có hành vi dâm ô đối với con nên đã bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 48 tháng tù. Mặc dù xảy ra mâu thuẫn như vậy nhưng theo anh chưa đến mức phải ly hôn, anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, nếu chị H cương quyết xin được ly hôn thì anh đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Tại phiên tòa ngày 09/10/2020, anh K không thừa nhận ký vào giấy chứng nhận kết hôn nên không phải là chồng của chị H.

Về quan hệ con chung: Anh K khai nhận, quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung tên Phạm Thị Thu S, sinh ngày 22/3/2004, Phạm Thị H, sinh ngày 29/6/2006, Phạm Huyền A, sinh ngày 18/7/2011 và Phạm Đức T, sinh ngày 10/01/2017. Anh K có nguyện vọng vợ chồng quay về đoàn tụ, nuôi dạy con cái

ăn học, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, nếu chị H nhất quyết xin ly hôn thì anh đồng ý giao các con cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh chưa phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì hiện tại anh đang chấp hành án tại Trại giam, chưa có điều kiện, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh K thống nhất như ý kiến của chị H là không yêu cầu Tòa án giải quyết mà vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, tự giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đề nghị xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn K. Giao 04 con chung tên Phạm Thị Thu S, sinh ngày 22/3/2004, Phạm Thị H, sinh ngày 29/6/2006, Phạm Huyền A, sinh ngày 18/7/2011 và Phạm Đức T, sinh ngày 10/01/2017 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét; buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn để sung nộp vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Phạm Văn K và quyền yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Phạm Văn K có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa ngày 09/10/2020, anh Phạm Văn K cho rằng mình không ký vào giấy chứng nhận kết hôn nên không phải là chồng của chị H, Hội đồng xét xử nhận định: Mặc dù anh K trình bày ý kiến như trên nhưng tại biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp và hòa giải, cũng như tại phiên tòa, anh K thừa nhận giữa anh và chị H đi đến kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 12/01/2003. Anh K thừa nhận tự nguyện đến UBND xã Q làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung đầm ấm hạnh phúc và có với nhau 04 con chung. Đồng thời, tại biên bản xác minh tại UBND xã Q thì chị H, anh K đã đến UBND xã làm thủ tục đăng ký kết hôn; thủ tục kết hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật. Anh K, chị H hoàn toàn tự nguyện kết hôn do vậy được cấp giấy chứng nhận kết hôn và đăng ký vào sổ theo quy định. Tại bản án số 44/2019/HS-ST ngày 31/10/2019, Hội đồng xét xử cũng đã xác định, anh Phạm Văn K có vợ là chị Nguyễn Thị H và có 04 con chung. Mặt khác, anh K cho rằng mình không ký vào giấy chứng nhận kết hôn nhưng lại không đồng ý ký chữ ký mẫu theo yêu cầu để tiến hành giám định, không đồng ý yêu cầu và làm thủ tục giám định chữ ký để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị của mình là có căn cứ và hợp pháp. Do vậy, ý kiến trình bày của anh K về việc không ký, không phải là chồng của chị H là không phù hợp, không có căn cứ; không thống nhất với nhau, không thống nhất với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh của các con...

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra, tranh tụng; ý kiến trình bày của các bên đương sự, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 12/01/2003, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn lẽ ra vợ chồng cần phải biết thương yêu, tôn trọng, chia sẻ để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng giữa chị H và anh K đã không thực hiện được. Cuộc sống chung vợ chồng không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn, giữa hai người tính tình ngày càng không hợp, bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau nên thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau; hai bên không tìm được hướng đi chung, không còn giải pháp hàn gắn. Ngoài ra, anh K còn có hành vi dâm ô đối với các con và đã bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh

Quảng Bình xử phạt 48 tháng tù giam nên chị H không thể tha thứ được. Chị H xác định thật sự không còn tình cảm gì với anh K, không thể quay lại để tiếp tục sống chung cùng anh K được nữa mà kiên quyết xin được ly hôn.

Đối với anh K, thì mặc dù giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm bị rạn nứt, căng thẳng nhưng theo anh là chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn và vì thương con, vì gia đình nên anh không muốn ly hôn mà mong muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, anh K không có phương án, biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn gia đình và yêu cầu, đề nghị của anh K cũng không được chị H đồng ý, chấp thuận. Theo anh K, nếu chị H cương quyết ly hôn, không muốn quay về thì anh đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tình cảm vợ chồng là phải xuất phát từ hai phía để cùng nhau nuôi dạy con cái, vun đắp tình cảm, xây dựng gia đình hạnh phúc, tuy nhiên giữa chị H và anh K đã không thực hiện được. Chị H một mực xin được ly hôn và anh K cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định nếu mong muốn của anh là để vợ chồng quay lại không có kết quả. Xét nguyện vọng mong muốn xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị H cũng như xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn K.

[3] Về quan hệ con chung: Giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn K có 04 con chung là Phạm Thị Thu S, sinh ngày 22/3/2004, Phạm Thị H, sinh ngày 29/6/2006, Phạm Huyền A, sinh ngày 18/7/2011 và Phạm Đức T, sinh ngày 10/01/2017. Quá trình giải quyết vụ án chị H có nguyện vọng mong muốn được nuôi con chung và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét điều kiện, nguyện vọng mong muốn được nuôi dưỡng con chung của chị H là hoàn toàn chính đáng vì các con hiện đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng và các cháu cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, trong khi anh K lại đang phải chấp hành án tại Trại giam, chưa có điều kiện, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao các con chung của vợ chồng cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh K thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung và nợ chung mà vợ

chồng tự thỏa thuận phân chia, tự giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn K.

2. Về quan hệ con chung:

2.1. Giao con chung Phạm Thị Thu S, sinh ngày 22/3/2004, Phạm Thị H, sinh ngày 29/6/2006, Phạm Huyền A, sinh ngày 18/7/2011 và Phạm Đức T, sinh ngày 10/01/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Chị H không yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp vào ngân sách nhà nước. Số tiền án phí chị H phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà Chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0001210, ngày 27/12/2019.

Báo cho đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực